

QUÁN TRIỆT

**Nghị quyết số 79-NQ/TW, ngày 06/01/2026
của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế Nhà nước**

***Trình bày: Đồng chí Nguyễn Thanh Nghị,
Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng,
Trưởng Ban Chính sách, chiến lược Trung ương***

- *Kính thưa đồng chí Tô Lâm, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng;*
- *Kính thưa các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;*
- *Kính thưa toàn thể các đồng chí,*

Ngày 06/01/2026, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 79-NQ/TW về phát triển kinh tế nhà nước, đây là nghị quyết chuyên đề đầu tiên của Đảng về kinh tế Nhà nước kể từ năm 1986. Theo sự phân công của Ban Tổ chức Hội nghị, tôi xin báo cáo những nội dung trọng tâm, cốt lõi của Nghị quyết này.

I. Về nội hàm kinh tế nhà nước theo tiếp cận của Nghị quyết số 79-NQ/TW của Bộ Chính trị

Nghị quyết số 79-NQ/TW của Bộ Chính trị là bước đổi mới quan trọng trong tư duy lý luận và nhận thức của Đảng về kinh tế nhà nước. Theo đó, lần đầu tiên nội hàm kinh tế nhà nước được xác định một cách đầy đủ, có hệ thống trong một nghị quyết chuyên đề, qua đó làm rõ vị trí và mở rộng phạm vi của khu vực này trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Cụ thể, kinh tế nhà nước được nhìn nhận như một chỉnh thể thống nhất, bao gồm toàn bộ các nguồn lực kinh tế do Nhà nước nắm giữ, quản lý và chi phối, như đất đai, tài nguyên, vùng trời, vùng biển, không gian ngầm, hệ thống kết cấu hạ tầng, ngân sách nhà nước, dự trữ quốc gia, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức tín dụng nhà nước, phần vốn nhà nước tại doanh

ng nghiệp và các đơn vị sự nghiệp công lập. Đồng thời, khẳng định kinh tế nhà nước vừa trực tiếp sản xuất, kinh doanh, vừa là nền tảng nguồn lực vật chất quan trọng, đồng thời là công cụ chiến lược, thiết yếu để Nhà nước thực hiện vai trò định hướng, điều tiết và dẫn dắt nền kinh tế, củng cố quốc phòng, an ninh, nâng cao năng lực tự chủ, tự cường và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

II. Thực trạng kinh tế nhà nước sau 80 năm xây dựng và phát triển, đặc biệt sau gần 40 năm Đổi mới

Thứ nhất, kết quả đạt được:

a) Về đất đai và tài nguyên, vùng trời, vùng biển, không gian: Đến năm 2023, tổng diện tích các loại đất được kiểm kê là trên 33 triệu ha, tỷ lệ diện tích được sử dụng đạt 96,5% (năm 2018 là 93,8%), trung bình mỗi năm đưa vào sử dụng khoảng 225,2 nghìn ha đất chưa sử dụng. Nguồn lực đất đai đã được khai thác và sử dụng hiệu quả hơn cho phát triển kinh tế - xã hội, an ninh lương thực được đảm bảo; đất cho sản xuất, phát triển hạ tầng và đô thị, quốc phòng, an ninh được phân bổ hợp lý hơn. Tài nguyên khoáng sản đa dạng là nền tảng để ngành khai khoáng chiếm bình quân trên 3% GDP. Tài nguyên nước được khai thác, sử dụng chặt chẽ hơn, hệ thống hồ chứa, thủy lợi được nâng cấp, góp phần bảo đảm an ninh nguồn nước, an ninh năng lượng, phòng chống thiên tai. Tài nguyên biển đảo với 5.926 đảo lớn nhỏ, tổng diện tích khoảng 3,5 triệu km², ngày càng đóng góp quan trọng để phát triển kinh tế biển (như thủy hải sản, logistic, cảng biển, khai thác dầu mỏ, khí, điện gió ngoài khơi, năng lượng mới...). Vùng trời quốc gia được quản lý tập trung và theo mô hình sử dụng linh hoạt dân sự - quân sự, hiệu quả khai thác ngày càng nâng cao. Không gian ngầm từng bước được khai thác, sử dụng và bước đầu đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội, nhất là ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh với các công trình tầng hầm thương mại, bãi đỗ xe, tuyến metro, hầm kỹ thuật....

b) Về hệ thống kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư: Tổng giá trị 19 loại tài sản công kết cấu hạ tầng năm 2025 đạt gần 12 triệu tỷ, góp phần quan trọng thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng quốc gia, an ninh kinh tế, an ninh nguồn nước, đặc biệt

là hệ thống hạ tầng giao thông, hạ tầng năng lượng, hạ tầng nông nghiệp và phát triển nông thôn, hạ tầng thương mại, hạ tầng y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa, thể thao du lịch và các hạ tầng xã hội khác

c) *Về ngân sách nhà nước (NSNN)*: Tiềm lực tài chính quốc gia được tăng cường mạnh mẽ. Quy mô thu NSNN giai đoạn 2021-2025 ước đạt 9,4 triệu tỷ đồng, gấp 1,36 lần giai đoạn trước. Tỷ lệ huy động vào NSNN bình quân đạt khoảng 18,3% GDP. Cơ cấu thu bền vững hơn với tỷ trọng thu nội địa đạt 83,3%. Chi đầu tư phát triển chiếm khoảng trên 32% tổng chi, góp phần quan trọng vào xây dựng hạ tầng chiến lược. Cân đối NSNN được duy trì theo các mục tiêu đề ra.

d) *Về dự trữ quốc gia (DTQG)*: Quy mô dự trữ liên tục tăng về giá trị tuyệt đối, từ 8.493 tỷ đồng (năm 2011) lên 13.574 tỷ đồng (năm 2024), bao gồm 13 nhóm hàng với 75 mặt hàng thiết yếu, phục vụ kịp thời các tình huống đột xuất như đại dịch COVID-19 và thiên tai.

e) *Về các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách*:

Hiện có 22 quỹ do Trung ương quản lý, với tổng số dư nguồn quỹ dự kiến cuối năm 2024 đạt khoảng 1.594,1 nghìn tỷ đồng. Các quỹ lớn như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế chiếm tới 91% tổng nguồn lực, đóng vai trò trụ cột trong hệ thống an sinh xã hội.

f) *Về doanh nghiệp nhà nước (DNNN)*: Tính đến năm 2025, cả nước có 671 DNNN, mặc dù chỉ chiếm 0,23% tổng số doanh nghiệp nhưng nắm giữ khối tài sản lên tới trên 4 triệu tỷ đồng (chưa tính DNNN là các ngân hàng thương mại Nhà nước). Hiệu quả hoạt động của DNNN ngày càng cải thiện, tỷ lệ sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2023 đạt 13,1% (so với 2,4% của khu vực tư nhân), năng suất lao động đạt 4,5 tỷ đồng/người, cao hơn các khu vực khác. DNNN đóng góp tới 27,2% tổng thu NSNN toàn quốc (năm 2024).

g) *Về các tổ chức tín dụng nhà nước*: Khối các ngân hàng thương mại nhà nước đóng vai trò chủ lực với tổng tài sản 9,36 triệu tỷ đồng, chiếm khoảng 50% thị phần tín dụng toàn hệ thống, hoạt động kinh doanh hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước, kiểm soát tốt rủi ro, thực

hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách. Ngân hàng Chính sách xã hội (VBSP) đã hỗ trợ hơn 6,8 triệu hộ còn dư nợ, góp phần quan trọng vào công cuộc giảm nghèo bền vững.

h) Về vốn nhà nước tại doanh nghiệp nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống: Có 142 doanh nghiệp thuộc diện này với tổng tài sản gần 111 nghìn tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 6.589 tỷ đồng.

i) Về đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL): Tính đến năm 2024, cả nước có 47.596 ĐVSNCL, giảm 13,82% so với năm 2015 trên cơ sở khung khổ pháp lý cho việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy của các đơn vị sự nghiệp công lập được ban hành. Số lượng viên chức hưởng lương từ ngân sách giảm 11,67%, vượt mục tiêu đề ra. Hiện nay, các ĐVSNCL đang tiếp tục được tinh gọn và sắp xếp theo chủ trương của Đảng.

Thứ hai, Về những hạn chế, tồn tại

Bên cạnh các kết quả tích cực đạt được, tại Nghị quyết 79, Bộ Chính trị cũng đã chỉ rõ những hạn chế, tồn tại của kinh tế Nhà nước, cụ thể như sau:

Một là, hiệu quả chưa tương xứng với nguồn lực khi vẫn còn 20% DNNN (134 đơn vị) bị lỗ lũy kế với tổng số lỗ 115.270 tỷ đồng. Một số dự án lớn chậm tiến độ, kém hiệu quả kéo dài chưa xử lý dứt điểm.

Hai là, kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ với hạ tầng giao thông vẫn là "điểm nghẽn", đường sắt và đường thủy chưa phát huy hết lợi thế; hạ tầng đô thị quá tải, tỷ lệ xử lý nước thải thấp (chỉ 15%).

Ba là, cải cách DNNN còn chậm khi tiến trình cổ phần hóa, thoái vốn gần như "đóng băng" trong giai đoạn 2023-2025 do vướng mắc về đất đai và tâm lý sợ sai.

Bốn là, nguồn lực dự trữ mỏng, theo đó dự trữ quốc gia chỉ đạt 0,12% GDP, chưa đáp ứng yêu cầu dự trữ chiến lược để đối phó với biến động lớn.

Năm là, các quỹ tài chính ngoài ngân sách chồng chéo, quy mô nhỏ, hoạt động phân tán, một số quỹ trùng lặp nhiệm vụ chi với NSNN, hiệu quả sử dụng vốn chưa cao.

Sáu là, tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn mới chỉ đạt 7,1%, chất lượng dịch vụ chậm cải thiện, nhiều tồn tại kéo dài chưa được xử lý kịp thời.

3- Về nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại

- Nguyên nhân khách quan là do căng thẳng địa chính trị quốc tế, đứt gãy chuỗi cung ứng và đại dịch COVID-19 làm suy yếu nguồn lực dự trữ của doanh nghiệp. Thiên tai cực đoan gây áp lực lớn lên hạ tầng nông nghiệp, đề điều và giao thông. Sự bùng nổ của kinh tế số, tài sản số đặt ra những thách thức quản lý mà hành lang pháp lý chưa kịp điều chỉnh...

- Nguyên nhân chủ quan là do: (i) Tư duy và nhận thức chưa đầy đủ về vị trí, vai trò, phạm vi của kinh tế nhà nước; mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội chưa được xử lý hài hòa; (ii) Thể chế chưa đồng bộ, cùng với hệ thống pháp luật về đất đai, đấu thầu, tài sản công chồng chéo, tạo rào cản, điểm nghẽn, nút thắt cho sự chủ động của doanh nghiệp; tổ chức thực hiện và phối hợp vẫn là khâu yếu; (iii) Việc quản lý, khai thác và sử dụng nguồn lực, tài sản nhà nước thiếu hiệu quả, gây lãng phí, thất thoát và chưa thể hiện rõ vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước; (iv) Chưa tách bạch triệt để chức năng quản lý và chủ sở hữu vốn, cơ quan đại diện chủ sở hữu thiếu nguồn lực chuyên nghiệp, chưa hiệu quả, cụ thể như ở Trung ương dẫn đến phải chấm dứt hoạt động; (v) Quản trị lạc hậu, năng lực cán bộ chưa ngang tầm nhiệm vụ, theo đó còn nhiều DNNN chưa áp dụng chuẩn mực quản trị hiện đại (OECD), năng suất lao động thấp so với tiềm năng, năng lực cạnh tranh quốc tế hạn chế, chưa tiên phong trong đổi mới sáng tạo; năng lực đội ngũ quản lý chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, tình trạng cán bộ e ngại trong việc ra quyết định đầu tư, thoái vốn làm chậm các kế hoạch cải cách, trong khi công tác thanh tra, giám sát chưa đáp ứng yêu cầu quản lý.

Kính thưa toàn thể các đồng chí,

Sau đây, tôi xin trình bày Phần III – Quan điểm, mục tiêu, tầm nhìn, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế Nhà nước.

1- Về bối cảnh: Bộ Chính trị nhận định bối cảnh quốc tế và trong nước đang đặt ra những yêu cầu đổi mới tư duy về phát triển kinh tế nhà nước. Trong đó, cuộc Cách mạng công nghệ và chuyển đổi số đòi hỏi sự thay đổi căn bản trong quản trị KTNN, từ can thiệp vĩ mô sang giám sát vĩ mô dựa trên dữ liệu; chuyển đổi số trở thành nền tảng cốt lõi để các DNNN nâng cao năng suất và giá trị gia tăng. Các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đặt ra yêu cầu nghiêm ngặt đối với DNNN phải hoạt động theo nguyên tắc thị trường, không phân biệt đối xử và minh bạch hóa thông tin. Nhiều quốc gia đã định vị lại KTNN như một công cụ chiến lược để đảm bảo an ninh kinh tế, tính tự chủ quốc gia và bảo vệ hạ tầng trọng yếu thay vì chỉ kinh doanh thuần túy. Ở trong nước, khu vực KTNN (chiếm khoảng 20% GDP) cần tăng trưởng đột phá từ trên 7%/năm để góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng hai con số và 02 mục tiêu 100 năm phát triển đất nước.

2. Quan điểm chỉ đạo về phát triển kinh tế nhà nước

Nghị quyết 79 đề ra 05 nhóm quan điểm chỉ đạo mang tính hệ thống, bao trùm và toàn diện về phát triển kinh tế nhà nước trong kỷ nguyên mới, trong đó có thể khái quát những điểm mới và cách tiếp cận đột phá về tư duy lý luận cũng như chỉ đạo thực tiễn như sau:

Thứ nhất, đổi mới và cụ thể hóa quan điểm về nội hàm “vai trò chủ đạo” của kinh tế nhà nước trong kỷ nguyên mới

Trong bối cảnh mới thực hiện 2 mục tiêu 100 năm phát triển đất nước, xác lập mô hình tăng trưởng mới, khu vực kinh tế tư nhân đã được xác định là một động lực quan trọng nhất, đặt ra sự cần thiết phải đổi mới nhận thức, xác định rõ ràng hơn nội hàm vai trò chủ đạo phù hợp với chức năng, vị trí của kinh tế nhà nước. Trên tinh thần đó, Nghị quyết số 79 kế thừa quan điểm của các nghị quyết, kết luận trước đây về việc kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong việc bảo đảm ổn định vĩ mô, các cân đối lớn, đồng thời, bổ sung, cụ thể hóa nội hàm vai trò chủ đạo trên các mặt: Định hướng chiến lược phát triển, giữ vững quốc phòng, an ninh; góp phần phát huy giá trị văn hoá và tiến bộ công bằng, an sinh xã hội; là nguồn lực quan trọng để Nhà nước chi phối, can thiệp kịp thời đáp ứng các yêu cầu đột xuất, cấp bách phát sinh.

Thứ hai, đổi mới căn bản mối quan hệ giữa kinh tế nhà nước và các khu vực kinh tế khác nhằm phát huy đầy đủ chức năng, vai trò của từng khu vực

Thực hiện chủ trương mới về phát triển nhanh, bền vững, tự chủ chiến lược, tự cường, tự tin, tiến mạnh trong kỷ nguyên mới của dân tộc, bên cạnh việc tiếp tục khẳng định mối quan hệ phát triển bình đẳng, hợp tác, cạnh tranh lành mạnh, hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau giữa các khu vực kinh tế, Nghị quyết số 79 đã làm rõ, bổ sung quan điểm: Cùng với các thành phần kinh tế trong nước xây dựng nền kinh tế tự chủ, tự lực, tự cường, bảo đảm an ninh kinh tế, thúc đẩy hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất, hiệu quả. Đồng thời đề ra mục tiêu đến năm 2045: Kinh tế nhà nước trở thành nền tảng vững chắc bảo đảm tự chủ chiến lược, tự cường và sức cạnh tranh toàn diện của nền kinh tế; quản trị hiện đại, minh bạch, hiệu quả, có năng lực cạnh tranh cao và hội nhập sâu vào kinh tế toàn cầu, cung ứng dịch vụ công chất lượng cao, khẳng định tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội.

Thứ ba, quan điểm đột phá về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và sử dụng các nguồn lực của kinh tế nhà nước

Trong một thời gian dài, kinh tế nhà nước chủ yếu được sử dụng như là công cụ phục vụ mục tiêu phát triển và điều tiết của Nhà nước; các nguồn lực kinh tế của Nhà nước được sử dụng phù hợp với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển. Nhưng trước yêu cầu nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, Nghị quyết 79 đề ra quan điểm mới về cơ chế phân bổ, quản lý, khai thác và sử dụng các nguồn lực của kinh tế nhà nước, trong đó nhấn mạnh 2 điểm mới mang tính đột phá:

(i) Nhìn nhận kinh tế nhà nước là một chủ thể thị trường trực tiếp sử dụng các nguồn lực để đầu tư, kinh doanh, tạo giá trị gia tăng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, Nghị quyết số 79 đề ra quan điểm: Cơ chế phân bổ các nguồn lực kinh tế nhà nước phải vận hành bằng cơ chế thị trường.

(ii) Để khắc phục tình trạng kết quả hoạt động của các chủ thể kinh tế nhà nước chưa phản ánh đầy đủ lợi ích và chi phí sử dụng tài sản nhà

nước, đồng thời, nhằm xác định đúng sức mạnh, tiềm lực, hiệu quả và đóng góp thực sự của kinh tế nhà nước, Nghị quyết số 79 đề ra quan điểm mới: Các nguồn lực kinh tế nhà nước phải được rà soát, thống kê, đánh giá, hạch toán đầy đủ theo nguyên tắc thị trường. Đánh giá tác động và phân tích lợi ích - chi phí xã hội của đầu tư nguồn lực vật chất của Nhà nước theo thông lệ quốc tế.

Thứ tư, nâng tầm nhiệm vụ của kinh tế nhà nước gắn với yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng, hiện thực hóa mục tiêu phát triển kinh tế

Mặc dù tỷ trọng đóng góp GDP và đầu tư toàn xã hội của kinh tế nhà nước có xu hướng giảm, nhưng giá trị nguồn lực của kinh tế nhà nước vẫn còn rất lớn, chỉ riêng tổng giá trị tài sản của DNNN và ngân hàng thương mại nhà nước đã tương đương với quy mô GDP, nếu được gia tăng hiệu quả sử dụng, sẽ trực tiếp đóng góp cho mục tiêu tăng trưởng 2 con số.

Bối cảnh đó đặt ra yêu cầu phải nâng tầm nhiệm vụ của kinh tế nhà nước, không chỉ là công cụ để Nhà nước định hướng, điều tiết, dẫn dắt phát triển kinh tế, mà còn cần phải trở thành chủ thể trực tiếp góp phần hiện thực hóa 2 mục tiêu 100 năm phát triển đất nước và thực hiện chủ trương xác lập mô hình tăng trưởng mới. Nghị quyết số 79 đã đề ra quan điểm: Kinh tế nhà nước phải tiên phong kiến tạo phát triển, dẫn dắt, mở đường, thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cơ cấu lại nền kinh tế và xác lập mô hình tăng trưởng mới, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

3. Về mục tiêu và tầm nhìn phát triển kinh tế Nhà nước

Nghị quyết đề ra các mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể về phát triển kinh tế nhà nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045, trong đó:

Mục tiêu tổng quát gắn với vai trò, chức năng của kinh tế nhà nước trong kỷ nguyên mới, bao gồm: (i) Nâng cao hiệu quả, phát huy vai trò chủ đạo trong lĩnh vực then chốt, chiến lược. (ii) Hỗ trợ các khu vực kinh tế cùng phát triển; (iii) Góp phần thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững, bảo

đảm quốc phòng, an ninh. (iv) Góp phần thực hiện thắng lợi 02 mục tiêu 100 năm phát triển đất nước.

Mục tiêu cụ thể cần đạt được đối với 06 thành tố của kinh tế nhà nước:

- *Về đất đai, tài nguyên:* Nghị quyết nhấn mạnh yêu cầu sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, minh bạch, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững.

- *Về tài sản kết cấu hạ tầng:* Bên cạnh việc phát triển đồng bộ, hiện đại, Nghị quyết yêu cầu phải tập trung hoàn thành các dự án hạ tầng trọng điểm quốc gia, quy mô lớn, kết nối liên vùng, quốc tế.

- *Về ngân sách, dự trữ quốc gia:* Bám sát các mục tiêu đến năm 2030 tại văn kiện Đại hội XIV, Nghị quyết số 79 yêu cầu thực hiện các chỉ tiêu: Tỷ lệ huy động nguồn ngân sách khoảng 18% GDP; bội chi ngân sách khoảng 5% GDP; nợ công không quá 60% GDP; chi đầu tư phát triển khoảng 35-40% chi ngân sách; chi thường xuyên khoảng 50-55% tổng chi ngân sách.

- *Về doanh nghiệp nhà nước:* Bên cạnh việc tiếp tục phải hoàn thành các mục tiêu của Đảng về cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả DNNN, Nghị quyết 79 đề ra một số chỉ tiêu định lượng cần đạt được đến năm 2030: Phấn đấu 50 doanh nghiệp vào nhóm 500 doanh nghiệp lớn nhất Đông Nam Á; từ 1-3 doanh nghiệp vào nhóm 500 doanh nghiệp lớn nhất thế giới; 100% doanh nghiệp quản trị hiện đại trên nền tảng số; 100% tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước áp dụng nguyên tắc quản trị của OECD.

- *Về tổ chức tín dụng nhà nước:* ít nhất 03 ngân hàng thuộc nhóm 100 ngân hàng lớn nhất Châu Á về tổng tài sản; 04 ngân hàng tiên phong về công nghệ, quản trị, chủ đạo về quy mô, thị phần, điều tiết thị trường.

- *Về đơn vị sự nghiệp công lập:* Nghị quyết nhấn mạnh mục tiêu xã hội hoá mạnh mẽ cung cấp dịch vụ công bên cạnh mục tiêu “giảm đầu mối, phấn đấu chỉ còn các đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ nhiệm vụ chính trị, phục vụ quản lý nhà nước và các đơn vị cung ứng các dịch vụ

sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu” đã đề ra tại Nghị quyết số 19-NQ/TW năm 2017.

4. Về nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

Để thực hiện thành công các mục tiêu và tầm nhìn về phát triển kinh tế Nhà nước nêu trên, Bộ Chính trị yêu cầu tiếp tục tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các chủ trương, định hướng, nhiệm vụ, giải pháp đã xác định tại các nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về nguồn lực đất đai, tài nguyên khoáng sản, tài sản kết cấu hạ tầng, ngân sách nhà nước, dự trữ quốc gia, doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập... đồng thời, tập trung triển khai mạnh mẽ, thực chất các nhiệm vụ, giải pháp sau đây:

Thứ nhất, nhóm nhiệm vụ và giải pháp chung

Kế thừa nhiều quan điểm, chủ trương mang tính hành động quyết liệt của Đảng trong thời gian qua, Nghị quyết đề ra 07 nhóm giải pháp chung, xin khái quát các nội dung chủ yếu như sau: (i) Đổi mới tư duy lãnh đạo, quản lý kinh tế nhà nước với trọng tâm là chuyển mạnh từ quản lý hành chính sang kiến tạo phát triển, quản trị hiện đại; nâng cao trách nhiệm, hành động quyết liệt, hiệu quả với tinh thần “nói ít, làm nhiều, làm đến cùng” nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế nhà nước; (ii) Hoàn thiện pháp luật theo tinh thần Nghị quyết số 66 của Bộ Chính trị; (iii) Bảo đảm môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, trọng tâm là tiếp cận các nguồn lực công bằng, minh bạch; đẩy mạnh hợp tác công - tư; tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm giải trình; giảm giảm chi phí tuân thủ, chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm; (iv) Chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý theo tinh thần Nghị quyết số 71, thực hiện chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài, đồng thời, xây dựng cơ chế bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm và quy trình đánh giá minh bạch; (v) Xây dựng hệ thống dữ liệu thống nhất về kinh tế nhà nước, liên thông, an toàn; phát huy vai trò dữ liệu trong hoạch định chính sách, kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn, tài sản công.

Thứ hai, các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể

Một là, đối với đất đai và tài nguyên: Để khắc phục những hạn chế hiện nay, Nghị quyết đề ra 07 nhóm nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến 07 lĩnh vực: đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản; kinh tế biển; nguồn lợi vùng trời, kinh tế không gian vũ trụ và kinh tế tầm thấp; không gian ngầm; tài nguyên số và tài nguyên viễn thông. Trong đó, cần quán triệt và thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp mới và trọng tâm sau đây:

(i) Ngay trong năm 2026: Ban hành Luật Đất đai sửa đổi và văn bản hướng dẫn nhằm tháo gỡ các vướng mắc trong quản lý đất đai, khơi thông nguồn lực từ đất đai.

(ii) Có chính sách phù hợp để thúc đẩy việc tiếp cận, làm chủ công nghệ khai thác, chế biến sâu các loại khoáng sản, nhất là những loại khoáng sản chiến lược.

(iii) Ban hành cơ chế vượt trội và tạo khuôn khổ thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) thúc đẩy phát triển kinh tế không gian vũ trụ, kinh tế tầm thấp, công nghiệp hàng không, vũ trụ.

(iv) Khuyến khích huy động nguồn lực xã hội, hợp tác công tư trong đầu tư, khai thác công trình ngầm.

(v) Hoàn thiện pháp luật về tài nguyên số, tài nguyên viễn thông để phát triển thị trường dữ liệu, sàn giao dịch dữ liệu và kinh tế dữ liệu. Thúc đẩy hợp tác công tư trong phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo và công nghệ số tiên tiến. Đưa tài nguyên số và dữ liệu quốc gia thực sự trở thành nguồn lực chiến lược.

Hai là, đối với tài sản kết cấu hạ tầng: trên cơ sở xác định rõ những vấn đề cần khắc phục về thể chế cho phát triển hạ tầng, Nghị quyết yêu cầu thực hiện 02 nhóm nhiệm vụ chính: (i) Xây dựng chiến lược, quy hoạch hệ thống kết cấu hạ tầng với tầm nhìn dài hạn, vượt trước, đón đầu xu thế phát triển các ngành kinh tế, thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số; đảm bảo tính đồng bộ, liên kết, đa ngành, đa mục tiêu nhằm khai thác hiệu quả tối đa các loại hình kết cấu hạ tầng. (ii) Bổ sung khung pháp lý để huy động nguồn lực ngoài ngân sách để

phát triển tài sản kết cấu hạ tầng, bảo đảm tính hiệu quả, công khai, minh bạch, chống thất thoát, lãng phí.

Ba là, đối với ngân sách nhà nước, dự trữ quốc gia và quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống

(i) Đối với ngân sách nhà nước, Nghị quyết yêu cầu trọng tâm điều hành là gắn với cơ cấu lại nền kinh tế và mô hình tăng trưởng mới; nâng cao hiệu quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực. Vừa mở rộng cơ sở thu, tăng tính bền vững, minh bạch vừa tránh dàn trải, hạn chế tối đa việc quy định cụ thể tỉ lệ chi ngân sách nhà nước cho từng ngành, lĩnh vực, đối tượng (trừ trường hợp có quy định riêng của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương). Tăng cường phân cấp gắn với trách nhiệm theo tinh thần "địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm"; ưu tiên đầu tư công cho các nhiệm vụ chiến lược; đa dạng hóa nguồn vốn, bảo đảm vay và trả nợ an toàn, hiệu quả.

(ii) Đối với dự trữ quốc gia, Nghị quyết đã kế thừa tinh thần Kết luận số 115 và Nghị quyết số 39 theo hướng phát triển thành nguồn lực chiến lược, gắn với quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội và điều tiết thị trường. Đầu tư hệ thống hạ tầng dự trữ hiện đại; huy động nguồn lực xã hội và hợp tác công – tư; hoàn thiện cơ chế quản lý linh hoạt; tăng cường hợp tác quốc tế nhằm nâng cao năng lực ứng phó và ổn định kinh tế.

(iii) Đối với các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, Nghị quyết nhấn mạnh yêu cầu tiếp tục sắp xếp, tinh gọn hệ thống quỹ; không thành lập quỹ mới khi không cần thiết; sáp nhập, giải thể quỹ hoạt động kém hiệu quả. Tăng cường công khai, số hóa, hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu lực quản lý, đẩy mạnh cơ chế ủy thác cho tổ chức tài chính chuyên nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

(iv) Đối với vốn nhà nước tại doanh nghiệp không nắm giữ chi phối, trọng tâm là thực hiện cơ cấu lại, quản lý hiệu quả vốn nhà nước tại các doanh nghiệp không nắm giữ chi phối; chuyển giao cho doanh nghiệp có chức năng đầu tư, kinh doanh vốn; lựa chọn thời điểm thoái vốn hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhà nước.

Bốn là, đối với doanh nghiệp nhà nước: Nghị quyết đã đề ra 17 nhóm nhiệm vụ, giải pháp cụ thể thuộc 04 nội dung chính: (i) Bảo đảm DNNN thực sự là một lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế nhà nước. (ii) Thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh; (iii) Cải thiện quản trị doanh nghiệp; (iv) Cơ cấu lại khu vực DNNN.

Bên cạnh việc tiếp tục thực hiện những các nhiệm vụ, giải pháp theo tinh thần các nghị quyết, kết luận trước đây (nhất là Nghị quyết số 12-NQ/TW năm 2017), Nghị quyết 79 có những định hướng chính sách mới cần quan tâm quán triệt và thực hiện sau đây:

(i) Nghị quyết đã định hướng rõ danh mục các ngành, lĩnh vực then chốt, chiến lược cần tập trung đầu tư để thực hiện vai trò dẫn dắt, nhất là: Quốc phòng, an ninh; năng lượng; vận tải, logistics; tài chính - ngân hàng; khoa học - công nghệ, điện tử - viễn thông, hạ tầng số; khoáng sản chiến lược.v.v.

(ii) Ban hành chính sách tạo động lực cho DNNN tăng quy mô vốn điều lệ, như: Cho phép sử dụng toàn bộ nguồn thu từ cổ phần hoá, thoái vốn nhà nước. Tăng tỉ lệ lợi nhuận sau thuế để lại doanh nghiệp. Hợp nhất, sáp nhập, chuyển giao doanh nghiệp nhằm phát huy lợi thế tổng thể của ngành kinh tế. Bảo đảm đủ vốn, hỗ trợ lãi suất và cấp đủ tín dụng đối với dự án trọng điểm quốc gia...

(iii) Đổi mới chính sách khoa học, công nghệ đối với DNNN gắn với thực hiện Nghị quyết số 57: Khuyến khích DNNN đầu tư, liên kết thực hiện vai trò tiên phong, dẫn dắt, làm chủ công nghệ lõi, công nghệ chiến lược, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh. Kết quả nghiên cứu của DNNN phải được ứng dụng vào thực tế kinh doanh, đặc biệt là công nghệ lõi, công nghệ chiến lược, đồng thời có cơ chế thương mại để chia sẻ, lan toả công nghệ. DNNN được quyết định sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ để chủ động triển khai hoặc đặt hàng nghiên cứu phát triển bên ngoài theo cơ chế khoán sản phẩm. Có cơ chế cho phép hình thành Quỹ đầu tư mạo hiểm.

(iv) Về lĩnh vực quản trị DNNN: Có cơ chế thưởng theo tỉ lệ đối với phần lợi nhuận vượt kế hoạch. Đánh giá hiệu quả DNNN trên cơ sở tổng thể mục tiêu, nhiệm vụ được giao, phản ánh đầy đủ giá trị nguồn lực Nhà nước phù hợp thông lệ quốc tế.

(v) Về cơ cấu lại DNNN: Đối với cổ phần hóa, cần quán triệt định hướng mới của Nghị quyết số 79 về việc cổ phần hoá không ảnh hưởng đến kiểm soát của Nhà nước trong những lĩnh vực then chốt, chiến lược, không làm mất đi các thương hiệu quốc gia có uy tín. Về thoái vốn nhà nước, cần quán triệt quan điểm rất mới của Nghị quyết số 79 là: Đối với doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối thì có cơ chế, lộ trình phù hợp nhằm sáp nhập với các DNNN hoặc chuyển giao cho doanh nghiệp đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước ở trung ương hoặc địa phương.

Năm là, đối với các tổ chức tín dụng Nhà nước: Tiếp tục triển khai các giải pháp về áp dụng chuẩn mực quản trị hiện đại, tăng vốn điều lệ cho ngân hàng thương mại nhà nước, bảo đảm minh bạch thông tin và trách nhiệm giải trình đối với các tổ chức tín dụng nhà nước, trọng tâm là:

(i) Nâng cao năng lực quản lý rủi ro. Xây dựng chiến lược chuyển đổi số toàn diện cho tổ chức tín dụng nhà nước; số hoá dịch vụ, dữ liệu, quản lý vốn theo thời gian thực; phát triển các dịch vụ ngân hàng số, mở rộng cung cấp sản phẩm tài chính trực tuyến đến mọi vùng miền của cả nước.

(ii) Tổ chức, sắp xếp lại mạng lưới ngân hàng thương mại nhà nước và tăng vốn điều lệ cần được xác định là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao năng lực tài chính, tỷ lệ an toàn vốn và hiệu quả hoạt động.

(iii) Hoàn thiện cơ chế, chính sách đối với Ngân hàng Chính sách xã hội và cơ cấu lại toàn diện theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đa dạng hóa nguồn lực đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Sáu là, đối với các đơn vị sự nghiệp công lập: Trên cơ sở tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19 của Ban chấp hành Trung ương và Kết luận số 62 của Bộ Chính trị về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao

chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị quyết số 79 nhấn mạnh một số nhiệm vụ, giải pháp mới sau đây:

(i) Đẩy mạnh tinh gọn bộ máy và hiện đại hóa cơ chế quản lý phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; cơ chế tài chính giảm từ cấp phát trực tiếp sang hỗ trợ trực tiếp cho người thụ hưởng.

(ii) Đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ có khả năng cạnh tranh theo cơ chế thị trường. Mở rộng hợp tác công tư, khuyến khích khu vực ngoài nhà nước tham gia cung ứng dịch vụ công.

(iii) Chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trong những ngành, lĩnh vực phù hợp. Đầu tư phát triển những đơn vị có tiềm lực, có khả năng cạnh tranh trong một số lĩnh vực nghiên cứu cơ bản, công nghệ chiến lược. Không tổ chức Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập. Ứng dụng công nghệ số để người dân trực tiếp đánh giá chất lượng, hiệu quả, mức độ hài lòng đối với các dịch vụ sự nghiệp công.

Kính thưa toàn thể các đồng chí,

Trên đây là những nội dung cốt lõi của Nghị quyết 79 về phát triển kinh tế Nhà nước. Nhân dịp Xuân Bính Ngọ 2026, xin kính chúc Đồng chí Tổng Bí thư và các đồng chí sức khỏe, hạnh phúc, thành công.

Xin trân trọng cảm ơn các đồng chí!
